TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Diễn giải lời Phật "ranh giới kinh điển, khảo chứng và trách nhiệm truyền thông"

ISSN: 2734-9195 20:08 16/11/2026

Kinh điển là đối tượng cần được tôn trọng, nghiên cứu và khảo sát nghiêm túc. Nhưng tôn trọng không có nghĩa là miễn trừ văn bản khỏi việc thẩm định, niềm tin không thể thay thế chứng cớ...

Trong truyền thông Phật giáo, những câu chuyện được quy thuộc cho đức Phật thường có sức thuyết phục đặc biệt đối với độc giả. Một lời thoại, một tích truyện hay một tình huống được giới thiệu là do đức Phật thuyết, lời đức Phật.....có thể nhanh chóng trở thành cơ sở để truyền tải một thông điệp đạo đức, giáo lý hoặc bài học ứng xử.

Tuy nhiên, chính sức nặng của thẩm quyền tôn giáo cũng đặt ra yêu cầu cao hơn về tính chính xác và trách nhiệm của người biên soạn, trích dẫn.

Một câu chuyện được ghi trong kinh điển không đồng nghĩa với việc mọi chi tiết của câu chuyện đã được xác minh về mặt lịch sử.

Một lời nói được văn bản quy thuộc cho đức Phật cũng không mặc nhiên chứng minh đó là nguyên văn lời nói của đức Phật lịch sử.

Một cách dẫn hoặc diễn giải của người viết hiện đại càng không thể được trình bày như thể đó là nội dung trực tiếp của Kinh văn.



Vấn đề không nằm ở việc có nên kể chuyện Phật giáo hay không, mà ở chỗ người kể có phân định rõ nguồn văn bản, nội dung được truyền lại và phần diễn giải của chính mình hay không.

Đây là một yêu cầu thuộc về tính trung thực học thuật, đồng thời là trách nhiệm đối với công chúng.

Từ văn bản kinh điển tới câu chuyện được kể lại

Tiểu kinh Māluṅkyaputta (Cūḷamāluṅkyovāda Sutta, Trung Bộ kinh, MN 63) là một trường hợp đáng chú ý.

Theo văn bản được lưu truyền, Tôn giả Māluṅkyāputta suy nghĩ về những vấn đề đức Phật không tuyên bố: thế giới vĩnh hằng hay không vĩnh hằng, hữu hạn hay vô hạn; sinh mạng và thân thể là một hay khác nhau, Như Lai sau khi chết còn tồn tại, không tồn tại, vừa tồn tại vừa không tồn tại, hay không thuộc cả hai khả năng đó.

Vị này tới gặp đức Phật và đặt vấn đề rất rõ: nếu Ngài biết thì hãy giải thích; nếu không biết hoặc không thấy thì hãy thẳng thắn nói rằng không biết, không thấy. Tôn giả còn đặt điều kiện rằng nếu không được giải đáp, ông sẽ từ bỏ đời sống tu học.

Trong mạch đối thoại đó, văn bản thuật lại việc đức Phật hỏi Māluṅkyāputta liệu trước đây Ngài có từng hứa sẽ giải đáp những vấn đề đó để đổi lấy việc vị này sống đời phạm hạnh hay không. Sau khi nhận được câu trả lời phủ định, văn

bản tiếp tục trình bày ví dụ về một người bị trúng mũi tên tẩm độc nhưng nhất quyết đòi biết đầy đủ danh tính người bắn, nguồn gốc cung tên và các chi tiết liên quan trước khi cho rút mũi tên.

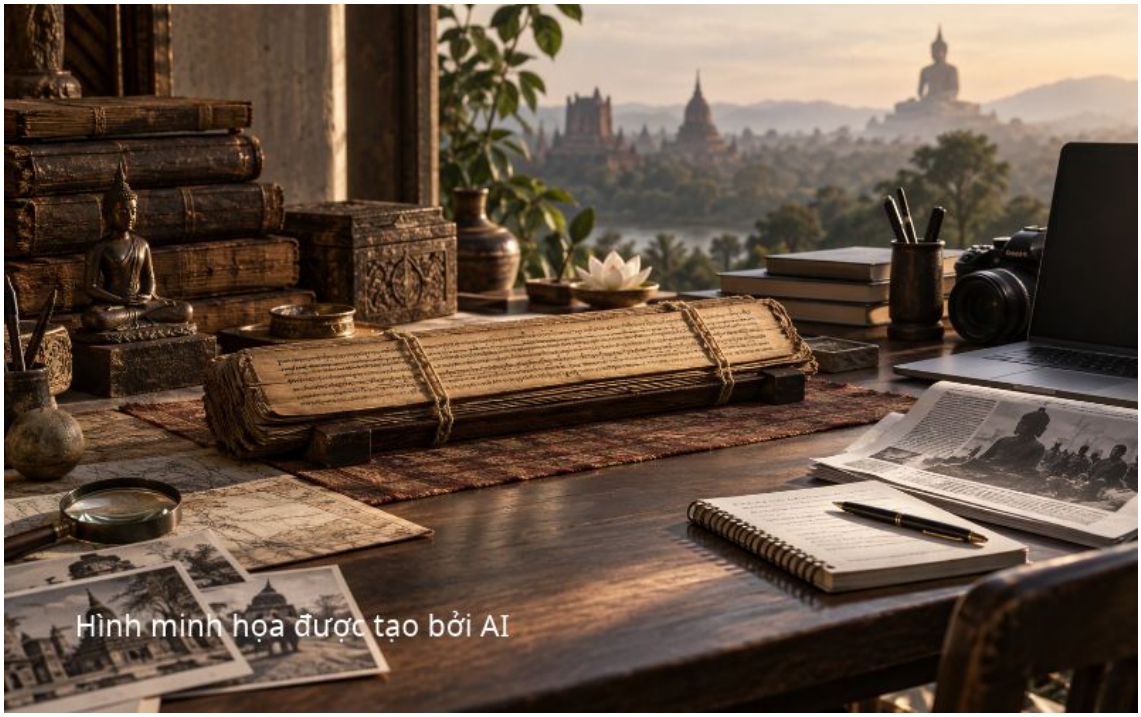
Thí dụ này được đặt trong lập luận về tính cấp thiết của con đường tu tập và việc chấm dứt khổ đau, thay vì trì hoãn đời sống tu học để đòi hỏi giải đáp những vấn đề mà văn bản gọi là không được tuyên bố.

Cần lưu ý: đây là nội dung được thuật lại trong MN 63. Việc văn bản ghi nhận một cuộc đối thoại và quy thuộc lời nói cho đức Phật là một dữ kiện văn bản; việc xác lập cuộc đối thoại đó đã diễn ra chính xác như vậy trong lịch sử là một vấn đề khác, đòi hỏi phương pháp khảo chứng riêng. Không nên nhập hai cấp độ này làm một.

Khi thí dụ minh họa bị biến thành câu trả lời thay thế

Một trong những vấn đề dễ gặp khi phổ biến kinh điển là sử dụng một tích truyện để giải thích một vấn đề mà bản thân tích truyện không trực tiếp giải quyết.

Trong MN 63, thí dụ mũi tên nằm trong một cấu trúc đối thoại cụ thể. Nó nhấn mạnh sự vô ích của việc trì hoãn tu tập để chờ đợi câu trả lời cho những vấn đề được đặt ra. Nhưng nếu lấy riêng câu chuyện này làm lời giải thích đầy đủ cho câu hỏi vì sao Đức Phật không trả lời một số vấn đề, người diễn giải đã chuyển từ một vấn đề qua một vấn đề khác.



Cần phân biệt:

- Vì sao một người không nên trì hoãn việc tu tập?

- Vì sao một số vấn đề không được đức Phật tuyên bố?

- Cơ sở giáo lý và nhận thức luận của việc không tuyên bố đó là gì?

Ba câu hỏi có liên hệ nhưng không đồng nhất.

Thí dụ mũi tên có chức năng trong lập luận của MN 63, nhưng không thể thay thế toàn bộ việc khảo sát những vấn đề được nêu trong kinh. Nếu dùng nó để kết thúc cuộc thảo luận về lý do đức Phật không trả lời, người viết có nguy cơ né tránh chính câu hỏi cần giải thích.

Đây là điểm cần chú ý khi phân tích cấu trúc lập luận: một thí dụ có thể minh họa cho một luận điểm, nhưng không vì vậy mà tự động chứng minh được mọi luận điểm có liên quan.

Kinh văn, lời quy thuộc và sự kiện lịch sử

Một vấn đề quan trọng hơn nằm ở cách chúng ta xác định tính xác thực của những câu chuyện được ghi trong kinh điển.

MN 63 mở đầu bằng công thức truyền thừa quen thuộc: “Tôi nghe như vầy” *(Thus have I heard)*. Đây là công thức văn bản được sử dụng trong truyền thống kinh điển, nhưng tự nó không phải là chứng cớ độc lập để xác minh toàn bộ sự kiện lịch sử được thuật lại.

Khi đối chiếu bản dịch của Thanissaro Bhikkhu với bản dịch của I.B. Horner thuộc Pali Text Society, có thể nhận thấy hai bản đều truyền tải cùng một mạch nội dung của MN 63. Tuy nhiên, hai bản dịch cùng dựa trên văn bản Pāli không thể được coi là hai chứng cớ lịch sử độc lập xác nhận Đức Phật đã thực sự nói những lời đó.

Do đó, cần phân biệt ít nhứt ba cấp độ:

Thứ nhất, dữ kiện văn bản: Một câu chuyện hoặc lời thoại được ghi nhận trong một văn bản kinh điển cụ thể.

Thứ hai, sự quy thuộc: Văn bản trình bày lời nói hoặc hành động đó như thuộc về Đức Phật.

Thứ ba, xác minh lịch sử: Có thể xác lập tới mức nào rằng sự kiện đã diễn ra và lời nói được bảo tồn đúng với những gì đức Phật lịch sử thực sự nói?

Ba cấp độ này không thể mặc nhiên thay thế cho nhau.

Nghiên cứu kinh điển cần khảo sát niên đại, truyền bản, ngôn ngữ, cấu trúc văn bản, các bản song song và quá trình hình thành, kết tập. Đó không phải là thái độ phủ nhận kinh điển, mà là cách tiếp cận cần thiết để hiểu kinh điển trong bối cảnh lịch sử của nó.

Tôn trọng văn bản cũng có nghĩa là không khẳng định vượt quá những gì văn bản và chứng cớ cho phép.

Khi người biên soạn mở rộng nội dung vượt khỏi văn bản nguồn

Từ một văn bản kinh điển, người viết hiện đại có thể phát triển nhiều dạng nội dung: giải thích giáo lý, bình luận, tản luận, liên hệ đời sống hoặc hướng dẫn thực hành.

Đó là hoạt động diễn giải bình thường. Vấn đề chỉ xuất hiện khi ranh giới giữa nội dung nguồn và phần sáng tạo của người viết không còn được thể hiện rõ.

Chẳng hạn, từ thí dụ mũi tên trong MN 63, người viết có thể liên hệ tới những tình huống như tranh cãi trong gia đình, đọc lại tin nhắn, suy đoán động cơ của người khác, chờ đợi lời xin lỗi hoặc xử lý những bất đồng trong quan hệ cá nhân.

Những liên hệ đó có thể có giá trị như một bài học ứng dụng. Tuy nhiên, chúng là phần triển khai của tác giả hiện đại, không phải những tình tiết được ghi trong MN 63.

Nếu người viết chuyển từ câu chuyện trong kinh qua hàng loạt tình huống đời thường mà không đánh dấu sự chuyển tầng, độc giả có thể nhầm lẫn giữa nội dung kinh văn và thông điệp do người biên soạn xây dựng.

Một bài viết có thể rất hấp dẫn, dễ đọc và giàu tính ứng dụng nhưng vẫn cần được đánh giá về độ trung thực với nguồn. Tính hấp dẫn không thay thế tính chính xác.

Nguy cơ dẫn dắt nhận thức bằng thẩm quyền tôn giáo

Trong môi trường truyền thông, một nội dung được giới thiệu là lời Phật dạy thường có sức thuyết phục lớn hơn một nhận định thông thường. Độc giả có thể tiếp nhận thông điệp không chỉ vì nội dung lập luận, mà còn vì tin rằng đó là lời nói trực tiếp của đức Phật.

Khi thẩm quyền tôn giáo được sử dụng mà không làm rõ nguồn gốc và mức độ xác thực của thông tin, nguy cơ dẫn dắt nhận thức xuất hiện.

Cơ chế này có thể diễn ra qua nhiều bước:

- Một câu chuyện được giới thiệu như sự kiện đức Phật trực tiếp kể.

- Nội dung được đặt dưới uy tín của kinh điển.

- Người viết mở rộng câu chuyện thành những thông điệp đời sống.

- Phần diễn giải được trình bày liền mạch với nội dung nguồn, khiến độc giả khó nhận biết ranh giới.

- Thông điệp cuối cùng được tiếp nhận như một lời dạy đã được xác lập từ kinh điển.

Điều đáng quan tâm ở đây không phải là phủ nhận giá trị của những bài học đạo đức, mà là quyền được biết chính xác nguồn gốc của những gì mình đang tiếp nhận.

Một độc giả có thể đồng tình với lời khuyên của tác giả nhưng vẫn cần được biết lời khuyên đó là diễn giải hiện đại, không phải nguyên văn kinh điển.

Nếu thiếu sự phân định này, truyền thông có thể vô tình hoặc trực tiếp tạo ra một cách tiếp nhận dựa trên sự sùng kính thay vì hiểu biết và khảo sát.

Tôn trọng đức Phật bằng sự trung thực với văn bản

Phê bình cách diễn giải kinh điển không đồng nghĩa với bất kính đối với đức Phật.

Ngược lại, sự tôn trọng cần được thể hiện bằng thái độ thận trọng khi quy thuộc lời nói, tư tưởng và hành động cho Ngài.

Không nên vì lòng tôn kính mà mặc nhiên coi mọi câu chuyện được truyền lại đều đã được xác minh về mặt lịch sử. Cũng không nên dùng danh nghĩa đức Phật để bảo đảm cho những diễn giải chủ quan của người viết.

Một nguyên tắc cần được giữ vững là: điều gì thuộc văn bản thì dẫn rõ văn bản; điều gì thuộc chú giải thì ghi nhận là chú giải; điều gì là nhận định của người viết thì phải thể hiện đúng tư cách nhận định.

Đó không phải là làm giảm giá trị kinh điển. Đó là tôn trọng sự thật, tôn trọng độc giả và tôn trọng chính đối tượng được nghiên cứu.

Trách nhiệm của người biên soạn và truyền thông Phật giáo

Trong hoạt động phổ biến tri thức Phật giáo, người biên soạn và cơ quan truyền thông có trách nhiệm bảo đảm ít nhứt bốn yêu cầu:

Một là, chính xác về nguồn: Ghi rõ tên kinh, số hiệu, truyền bản hoặc bản dịch được sử dụng; tránh dẫn lại qua nhiều tầng trung gian mà không kiểm tra văn bản gốc.

Hai là, trung thực về nội dung: Không thêm tình tiết, thay đổi bối cảnh hoặc mở rộng lời thoại rồi trình bày như nội dung kinh văn.

Ba là, minh bạch về diễn giải: Phân biệt rõ trích dẫn, tóm lược, chú giải và liên hệ thực tiễn của tác giả.

Bốn là, tôn trọng năng lực nhận thức của công chúng: Không dựa vào uy tín tôn giáo để thay thế chứng cớ, không biến một câu chuyện minh họa thành câu trả lời cho những vấn đề mà không giải quyết.

Một nền truyền thông Phật giáo có trách nhiệm không chỉ cần truyền tải nội dung dễ hiểu, mà còn phải giúp công chúng nhận biết nguồn gốc, giới hạn và mức độ xác thực của thông tin.

Kết luận

Kinh điển là đối tượng cần được tôn trọng, nghiên cứu và khảo sát nghiêm túc. Nhưng tôn trọng không có nghĩa là miễn trừ văn bản khỏi việc thẩm định, niềm tin không thể thay thế chứng cớ và sự quy thuộc trong kinh điển không đồng nghĩa với xác minh lịch sử.

Từ trường hợp MN 63, có thể thấy một câu chuyện được sử dụng đúng chức năng trong văn bản vẫn có thể bị mở rộng thành những thông điệp khác khi đi vào truyền thông hiện đại. Nếu không phân định rõ các tầng nội dung, người viết có thể khiến độc giả hiểu nhầm đâu là lời kinh, đâu là diễn giải và đâu là

sáng tác của mình.

Điều cần thiết không phải là hạn chế việc phổ biến giáo lý, mà là nâng cao trách nhiệm trong cách phổ biến.

Tôn kính đức Phật không đòi hỏi chúng ta phải tiếp nhận vô điều kiện mọi điều được quy thuộc cho Ngài. Tôn trọng kinh điển cũng không đòi hỏi người đọc từ bỏ quyền chất vấn. Trái lại, sự trung thực với văn bản, sự thận trọng trong diễn giải và tinh thần khảo chứng mới là những nền tảng giúp việc tìm hiểu Phật giáo trở nên sâu sắc và có trách nhiệm.

Tôn kính nhưng không thần thánh hóa văn bản; nghiên cứu nhưng không định kiến; phản biện nhưng không bất kính.

Đó không chỉ là nguyên tắc của nghiên cứu Phật học, mà còn là trách nhiệm cần có của truyền thông Phật giáo đối với công chúng.

Tác giả: **Hữu Nguyễn**

***

Nguồn đối chiếu và tài liệu tham khảo:

1] Cūḷa Māluṅkyovāda Sutta, Majjhima Nikāya 63, bản dịch Thanissaro Bhikkhu. Dhammatalks.org.

https://www.dhammatalks.org/suttas/MN/MN63.html

2] I.B. Horner (dịch), The Middle Length Sayings, Vol. II, Pali Text Society, 1954, MN 63. Bản dịch trực tuyến.

https://obo.genaud.net/dhamma-vinaya/pts/mn/mn.063.horn.pts.htm

3] SuttaCentral, Methodology and Sources, tài liệu về phương pháp đối chiếu kinh Pāli với các bản kinh song song trong những truyền thống khác. https://suttacentral.net/methodology?lang=en